

PHỤ LỤC 07

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2020
HUYỆN PHÙ CÁT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
I	Xã Cát Tân			2,180	-	2,180	-	-
1	Đường BTXM thôn Hoà Đồng	BTXM	Nguyễn Chăm			0,320		
2	Đường BTXM thôn Kiều Huyền	BTXM	Nguyễn Sang			0,350		
3	Đường BTXM thôn Kiều Huyền	BTXM	Lê Xuân Quảng			0,420		
4	Đường BTXM nội đồng thôn Hữu Hạnh	Nhà Văn Hóa thôn	Kênh Văn Phong			0,300		
5	Đường BTXM thôn Tân Hòa - Hòa Đồng	Ga đất xóm đông Tân Hòa	Xóm Tây thôn Hòa Đồng			0,550		
6	Đường BTXM thôn Bình Đức	Nguyễn Văn Đang	Nguyễn Văn Tiền			0,240		
II	Xã Cát Tài			3,501	-	2,260	0,651	0,590
1	Tuyến: Từ ĐT 633 đến nhà ông Phan Khuê	ĐT 633	Nhà ông Phan Khuê					0,050
2	Tuyến: Từ ĐT 633 đến nhà ông Võ Văn Tân	ĐT 633	Nhà ông Võ Văn Tân					0,040
3	Tuyến: Từ Đường BT chợ Gò Muồng cũ đến nhà ông Nguyễn Bá Đức	Từ Đường BT chợ Gò Muồng cũ	Nhà ông Nguyễn Bá Đức				0,100	
4	Tuyến: Từ ĐT 633 đến nhà ông Phạm Xuân Thành	ĐT 633	Nhà ông Phạm Xuân Thành			0,040		
5	Tuyến: Từ ĐT 633 đến nhà ông Nguyễn Xuân	ĐT 633	Nhà ông Nguyễn Xuân			0,040		
6	Tuyến: Từ Đường CTNN đến nhà bà Lương Thị Thơm	Đường CTNN	Nhà bà Lương Thị Thơm				0,030	
7	Tuyến: Từ Đường vào Nghĩa địa Thái Phú đến nhà ông Nguyễn Thành Tân	Đường vào Nghĩa địa Thái Phú	Nhà ông Nguyễn Thành Tân					0,050
8	Tuyến: Từ Đường ngang đến nhà ông Trương Bích Ngọc	Đường ngang	Nhà ông Trương Bích Ngọc				0,220	
9	Tuyến: Từ Tỉnh lộ ĐT 633 đến nhà ông Nguyễn Bích	Tỉnh lộ ĐT 633	Nhà ông Nguyễn Bích					0,080
10	Tuyến: Từ Đường BT suối chùa đến nhà ông Trần Văn Ninh	Đường BT suối chùa	Nhà ông Trần Văn Ninh				0,040	
11	Tuyến: Từ Đường BT suối chùa đến nhà ông Nguyễn Bá Ly	Đường BT suối chùa	Nhà ông Nguyễn Bá Ly			0,050		

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
12	Tuyến: Từ Đường BT suối chùa đến nhà ông Nguyễn Bá Trà	Đường BT suối chùa	Nhà ông Nguyễn Bá Trà			0,045		
13	Tuyến: Từ Đường Đội 3 đến nhà ông Nguyễn Văn Thi	Đường Đội 3	Nhà ông Nguyễn Văn Thi					0,020
14	Tuyến: Từ nhà ông Võ Tùng đến nhà ông Trần Văn Thành	Nhà ông Võ Tùng	Nhà ông Trần Văn Thành					0,300
15	Tuyến: Từ đường ngang đến nhà bà Đặng Thị Hoa	Đường ngang	Nhà bà Đặng Thị Hoa				0,030	
16	Tuyến: Từ đường ngang đến nhà ông Lê Quang Khanh	Đường ngang	Nhà ông Lê Quang Khanh				0,030	
17	Tuyến: Từ đường ngang đến nhà ông Nguyễn Văn Sinh	Đường ngang	Nhà ông Nguyễn Văn Sinh				0,031	
18	Tuyến: Từ đường ngang đến nhà ông Lương Hồng Hào	Đường ngang	Nhà ông Lương Hồng Hào				0,070	
19	Tuyến: Từ Đường ngang đến nhà ông Thảo	Đường ngang	Nhà ông Thảo				0,060	
20	Tuyến: Từ đường ngang đến nhà ông Cao Thanh Minh	Đường ngang	Nhà ông Cao Thanh Minh					0,050
21	Tuyến: Từ Hào Long đến Khu sản xuất tập trung thôn Chánh Danh	Hào Long	Khu sản xuất tập trung thôn Chánh Danh			1,600		
22	Tuyến: ĐT 633(Bưu điện xã) đến Kênh S4	ĐT 633(Bưu điện xã)	Kênh S4			0,300		
23	Tuyến: Ngõ nhà bà 4 Nhương đến bọng Xã Mão	Ngõ nhà bà 4 Nhương	Bọng xã Mão			0,100		
24	Tuyến: Từ nhà ông Phạm Hữu Lý đến nhà ông Chiến	Nhà ông Phạm Hữu Lý	Nhà ông Chiến				0,040	
25	Tuyến: Đường chợ Gò Muồng	Nhà ông Nguyễn Tiến Dũng	Giáp đường BT			0,085		
III	Xã Cát Thành			10,656	-	0,900	8,377	1,379
1	Nhà ông Dũng - ngã 3 ngã 3 nhà ông Hồng	Nhà ông Dũng	ngã 3 Nhà ông Hồng				0,060	
2	Giáp đường bê tông- nhà ông Mai Văn Tin	giáp đường bê tông	nhà ông Mai Văn Tin			0,100		
3	Giáp đường bê tông- ngã 3 nhà ông Trương Văn Tuất	giáp đường bê tông	ngã 3 Nhà ông Trương Văn Tuất			0,300		
4	Ngõ Hữu Hải- Nguyễn Tấn Tuấn	ngõ Hữu Hải	Nguyễn Tấn Tuấn				0,160	
5	Nguyễn Tấn Hứa- Sân Bóng	Nguyễn Tấn Hứa	Sân Bóng				0,150	
6	Nguyễn Thị Thúy - Giáp Đường bê tông	Nguyễn Thị Thúy	Giáp Đường bê tông					0,140
7	Mai Thị Hưu - Hồ Xuân Hoa	Mai Thị Hưu	Hồ Xuân Hoa				0,170	
8	Nguyễn Tấn Hóa- Ngô Thị Nhĩ	Nguyễn Tấn Hóa	Ngô Thị Nhĩ				0,200	
9	Đình Thị Thắng - Nguyễn Hữu Phụ	Đình Thị Thắng	Nguyễn Hữu Phụ				0,200	

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
10	Nguyễn Công Lệ- Nguyễn Tấn Nội	Nguyễn Công Lệ	Nguyễn Tấn Nội				0,200	
11	Cầu Tè- Đồng Vườn Ngũ	Cầu Tè	Đồng Vườn Ngũ				0,300	
12	Nguyễn Thị Chánh - Nguyễn Tô Chân	Nguyễn Thị Chánh	Nguyễn Tô Chân				0,350	
13	Đinh Mai Huynh - Nguyễn Nhận	Đinh Mai Huynh	Nguyễn Nhận					0,170
14	Huỳnh Hà- Nguyễn Dương	Huỳnh Hà	Nguyễn Dương					0,140
15	Nguyễn Thị Xùn - Nguyễn Hữu Dũng	Nguyễn Thị Xùn	Nguyễn Hữu Dũng					0,300
16	Cầu Vườn Bản -Phạm Ngọc Diệu	Cầu Vườn Bản	Phạm Ngọc Diệu				0,500	
17	Nguyễn Thị Nữ- Huỳnh Thị Kim Huệ	Nguyễn Thị Nữ	Huỳnh Thị Kim Huệ				0,140	
18	Nguyễn Ngọc Tiến -Mai văn Thành	Nguyễn Ngọc Tiến	Mai văn Thành					0,180
19	Ngô Văn Minh - Giáp ĐT 639	Ngô Văn Minh	Giáp ĐT 639				0,200	
20	Phạm Trự- Phan Thị Huệ	Phạm Trự	Phan Thị Huệ				0,350	
21	Phạm Sánh - Nguyễn Hồng Thái	Phạm Sánh	Nguyễn Hồng Thái				0,180	
22	Nguyễn Luận - Nguyễn Văn Thanh	Nguyễn Luận	Nguyễn Văn Thanh				0,037	
23	Giáp đường Bê Tông- Mai Thị Mến	Giáp đường Bê Tông	Mai Thị Mến				0,100	
24	Ngã 3 Thừa Lý- Phạm Đô	Ngã 3 Thừa Lý	Phạm Đô				0,250	
25	Giáp Đường Bê tông - Nguyễn Văn Thảo	Giáp Đường Bê tông	Nguyễn Văn Thảo				0,050	
26	Giáp Đường Bê tông -Huỳnh Văn Hóa	Giáp Đường Bê tông	Huỳnh Văn Hóa				0,050	
27	Giáp Đường bê Tông - nhà bà Quyền	Giáp Đường bê Tông	nhà bà Quyền				0,150	
28	Võ Thị Sơn - Giáp đường Bê tông	Võ Thị Sơn	Giáp đường Bê tông				0,200	
29	Giáp ĐT 639 - Trần Thị Thủy	Giáp ĐT 639	Trần Thị Thủy				0,060	
30	Huỳnh Nhanh- Giáp Bờ Suối	Huỳnh Nhanh	Giáp Bờ Suối				0,100	
31	ĐT 639 - Nguyễn Mai Châu	ĐT 639	Nguyễn Mai Châu					0,250
32	Ngã 3 7 Xị - Võ Toại	Ngã 3 7 Xị	Võ Toại				0,500	
33	Huỳnh Tấn(Điều) - Nguyễn Tấn Tuấn	Huỳnh Tấn (Điều)	Nguyễn Tấn Tuấn				0,250	
34	Giáp Đường bê Tông - Nguyễn Tấn Kinh	Giáp Đường bê Tông	Nguyễn Tấn Kinh				0,200	
35	Giáp đường Bê tông - Nguyễn Tấn Hải (Ngũ)	Giáp đường Bê tông	Nguyễn Tấn Hải (Ngũ)				0,100	
36	Ngõ Nguyễn Đức Bưởi - Nông Ký	Ngõ Nguyễn Đức Bưởi	Nông Ký				0,220	
37	Đào Văn Thanh- Phạm Nhiều	Đào Văn Thanh	Phạm Nhiều				0,150	
38	Cầu Cây Me - Đào Bá Cúc	Cầu Cây Me	Đào Bá Cúc				1,000	
39	Nguyễn văn Thanh - Đào Bá Cúc	Nguyễn văn Thanh	Đào Bá Cúc				1,000	
40	Nguyễn Lợi - Đinh Văn Tri	Nguyễn Lợi	Đinh Văn Tri				0,350	
41	Lê Văn Tâm - Nguyễn Văn Hữu	Lê Văn Tâm	Nguyễn Văn Hữu				0,150	
42	Đường BTXM- GTNT xã Cát Thành.	ĐT 639 Dốc Mai	Trường THCS Cát Thành			0,500		

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
43	Đường nội bộ chợ Chánh Thiện	Ông Phạm Sang	Giáp đường bê tông đi Phú Trung					0,199
44	Từ nhà ông Kiến - ngõ ông Mai Văn Thuyền	Ông Kiến	Mai Văn Thuyền				0,300	
IV	Xã Cát Tiến			1,610	-	1,430	0,180	-
1	Đường BTXM GTNT xã Cát Tiến. Tuyến: Đường bê tông Chánh Đạt - Đình Chánh Đạt.	Đường bê tông Chánh Đạt	Đình Chánh Đạt - Nhà ông Ngọc			0,100		
2	Đường BTXM GTNT xã Cát Tiến. Tuyến: Đường bê tông Chánh Đạt-nhà ông Ngọc.	Đường bê tông Chánh Đạt	Nhà ông Ngọc			0,450		
3	Đường BTXM GTNT xã Cát Tiến. Tuyến: Đường bê tông Chánh Đạt-Nhà ông Dư.	Đường bê tông Chánh Đạt	Nhà ông Dư			0,130		
4	Đường BTXM GTNT xã Cát Tiến. Tuyến: Đường Bê tông Chánh Đạt - nhà bà Đốc	Đường bê tông Chánh Đạt	Nhà bà Đốc			0,200		
5	Đường BTXM GTNT xã Cát Tiến, Tuyến: Đường bê tông Chánh Đạt - Từ Đường Hộ Trần	Đường bê tông Chánh Đạt	Từ đường Hộ Trần			0,550		
6	Đường BTXM GTNT xã Cát Tiến, Tuyến: Nhà ông Nguyễn Xuân Duyên - Mẫu giáo Tân Tiến	Nhà ông Nguyễn Xuân Duyên	Mẫu giáo Tân Tiến				0,080	
7	Đường BTXM GTNT xã Cát Tiến, Tuyến: Quốc lộ 19B - nhà bà Lê Thị Thu	Quốc lộ 19B	Nhà bà Lê Thị Thu				0,100	
V	Xã Cát Sơn			4,543	-	0,260	2,080	2,203
1	Đường bê tông Sơn Long Bắc	ĐT 634	Nhà ông Phạm Hồng Thái					0,190
2	Nối dài đường bê tông xóm Sơn Tự	Nhà ông Lê Trọng	Kênh NC					0,500
3	Nối dài đường bê tông xóm Sơn Mã	Nhà ông Nguyễn Văn Lành	Suối Đồng Đèo			0,260		
4	Đường bê tông xóm Sơn Tuyền Bắc	ĐT 634	Nhà bà Đặng Thị Xuân				0,180	
5	Đường bê tông xóm Sơn Minh	ĐT 634	Nhà ông Huỳnh Văn Thọ				0,135	
6	Đường bê tông Sơn Lạc Đông	Nhà ông Lê Viết Thành	Ngã ba cây me				0,180	
7	Đường bê tông Sơn Nguyên	Nhà ông Đặng Ngọc Mai	Nhà ông Bạch Thanh Nhung					0,356
8	Đường bê tông xóm Sơn Lân Đông	Nhà ông Nguyễn Quốc Dũng	Nhà ông Nguyễn Hải Học				0,335	
9	Đường bê tông xóm Sơn Tượng	Nhà ông Phan Công Hiếu	Nhà ông Trần Trung Đông					0,265
10	Đường BT nhà ông Thuận đến nhà bà Huyền xóm Sơn Tượng	Nhà ông Thuận	Nhà bà Huyền					0,090

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
11	Đường BT nhà ông Kha đến nhà ông Đức xóm Sơn Tượng	Nhà ông Kha	Nhà ông Đức					0,067
12	Từ đường bê tông đến nhà ông Đặng Ngọc Hồng xóm Sơn Quy	Đường bê tông	Nhà ông Đặng Ngọc Hồng				0,058	
13	Đường BT nhà ông Linh đến nhà ông Lâm xóm Sơn Mã	Nhà ông Linh	Nhà ông Lâm					0,118
14	Đường từ ĐT 634 đến nhà ông Dũng xóm Sơn Long Trung	ĐT 634	Nhà ông Dũng				0,053	
15	Đường bê tông nhà ông Sơn đến nhà ông Sương xóm Sơn Lộc	Nhà ông Sơn	Nhà ông Sương				0,082	
16	Từ đường bê tông đến nhà bà Võ Thị Mỹ Hạnh xóm Sơn Lộc	Đường bê tông	Nhà bà Võ Thị Mỹ Hạnh				0,171	
17	Từ đường bê tông đến nhà ông Hồ Đức Vỹ xóm Sơn Lộc	Đường bê tông	Nhà ông Hồ Đức Vỹ					0,226
18	Từ ngã ba nhà ông Sâm đến nhà ông Thành xóm Sơn Lộc	Ngã ba nhà ông Sâm	Nhà ông Thành					0,108
19	Từ nhà ông Đặng Văn Tuấn đến nhà ông Đặng Văn Kỳ xóm Sơn Nguyên	Nhà ông Đặng Văn Tuấn	Nhà ông Đặng Văn Kỳ				0,032	
20	Từ ngã ba nhà ông Ánh đến kênh NC xóm Sơn Lặc Đông	Ngã ba nhà ông Ánh	Kênh NC					0,245
21	Từ đường bê tông đến nhà ông Đặng Văn Lai xóm Sơn Lặc Đông	Đường bê tông	Nhà ông Đặng Văn Lai				0,083	
22	Từ đường bê tông đến nhà ông Đặng Quang Bình xóm Sơn Lặc Đông	Đường bê tông	Nhà ông Đặng Quang Bình				0,096	
23	Từ đường ĐT 634 đến nhà ông Trần Phúc xóm Sơn Văn	ĐT 634	Nhà ông Trần Phúc				0,087	
24	Từ đường ĐT 634 đến nhà ông Hồ Văn Phong xóm Sơn Minh	ĐT 634	Nhà ông Hồ Văn Phong				0,174	
25	Từ đường bê tông đến nhà ông Lê Văn Cận xóm Sơn Lâm Nam	Đường bê tông	Nhà ông Lê Văn Cận					0,038
26	Đường BT nhà ông Đặng Văn Minh đến nhà bà Nguyễn Thị Châu xóm Sơn Lâm Bắc	Nhà ông Đặng Văn Minh	Nhà bà Nguyễn Thị Châu				0,107	
27	Đường BT vườn nhà ông Thông đến vườn nhà ông Quang xóm Sơn Lâm Bắc	Vườn nhà ông Thông	Vườn nhà ông Thành				0,094	
28	Đường BT nhà ông Huỳnh Văn Xuân đến nhà ông Đặng Văn Cường xóm Sơn Lâm Bắc	Nhà ông Huỳnh Văn Xuân	Nhà ông Đặng Văn Cường				0,163	
29	Đường BT nhà ông Nguyễn Thanh Sang đến nhà ông Đặng Kỳ xóm Sơn Lâm Bắc	Nhà ông Nguyễn Thanh Sang	Nhà ông Nguyễn Kỳ				0,050	
VI	Xã Cát Lâm			0,110	-	-	0,110	-
1	Từ nhà ông Nguyễn Văn Hải đến nhà bà Nguyễn Thị Dung	Nhà ông Hải	Nhà bà Dung				0,110	
VII	Xã Cát Thắng			7,372	-	-	0,809	6,563
1	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Đường BT - Ngõ Tuân	Đường BT	Ngõ Tuân					0,150
2	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Đường BT - Ngõ Trọng	Đường BT	Ngõ Trọng					0,270
3	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Đường BT - Ngõ 6 Nhàn	Đường BT	Ngõ 6 Nhàn					0,176
4	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Gậy - Ngõ Điều	Ngõ gậy	Ngõ Điều					0,132
5	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Phần - Ngõ Huy	Ngõ Phần	Ngõ Huy					0,090

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
6	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Thanh - Bờ đê.	Ngõ Thanh	Bờ đê				0,162	
7	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Hồ - Ngõ Phụng Tàu.	Ngõ Hồ	Phụng Tàu				0,235	
8	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Đường BT - Ngõ Bảo	Đường BT	Ngõ Bảo				0,060	
9	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Ân - Ngõ Sanh	Ngõ Ân	Ngõ Sanh				0,060	
10	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Thanh - ngõ 10 Ngãi	Ngõ Thanh	10 Ngãi				0,232	
11	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ 8 Lỗ- Ngõ 8 Quý	Ngõ Thanh	10 Ngãi				0,060	
12	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Đường BT - Ngõ Tuấn	Đường BT	Ngõ Tuấn					0,135
13	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Long - Ngõ Bốn	Ngõ Long	Ngõ Bốn					0,220
14	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Cầu Tứ - Ngõ Ân	Cầu Tứ	Ngõ Ân					0,170
15	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Đám Lát - Ngõ lê Thị Lát	Đám Lát	Thị Lát					0,050
16	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Hồng - Ngõ Bửu	Ngõ Hồng	Ngõ Bửu					0,500
17	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Nhà văn hóa thôn - Ngõ Đoàn Ngạc	Nhà văn hóa thôn	Đoan Ngạc					0,300
18	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Phạm Tân - Trần Quang	Phạm Tân	Trần Quang					0,210
19	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Thiện Thành - Thị Miên	Thiện Thành	Thị Miên					0,400
20	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Hải - Ngõ Toàn	Ngõ Hải	Ngõ Toàn					0,060
21	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Gò Xạ - Đập Lão Tâm	Gò Xạ	Đập Lão Tâm					0,500
22	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến : Ngõ Ông Lê - Ngõ Ông Hát	Ngõ Lê	Ngõ Hát					0,070
23	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến : Đường BTXM đến ngõ Ông Phượng	Đường BTXM	Ngõ Phượng					0,070
24	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến Đường BTXM đến ngõ Ông Dư.	Đường BTXM	Ngõ Dư					0,060
25	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến : Đường BTXM đến ngõ Từ Đường	Đường BTXM	Ngõ từ đường					0,060
26	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến : Đường BTXM đến ngõ Tám Nhung.	Đường BTXM	Ngõ tám Nhung					0,210
27	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Từ Trường trung học Vĩnh Phú A- Vĩnh Phú B	Vĩnh Phú A	Vĩnh Phú B					0,520
28	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Hường - Ngõ 2 Sơn	Ngõ Hường	Ngõ 2 Sơn					0,120
29	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Ngõ Đồn - Ngõ 6 Liên	Ngõ Đồn	Ngõ 6 Liên					0,200
30	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Bê tông xóm Nam - Ngõ Đức	Bê tông	Ngõ Đức					0,030
31	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Ngõ Đức - Ngõ Báu	Ngõ Đức	Ngõ Báu					0,180
32	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Cổng điều tiết Mỹ Bình - Đồng Hương Hòa	Cổng điều tiết Mỹ Bình	Đồng rộc					0,210
33	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Tuấn - Ngõ 4 Thị	Ngõ Tuấn	Ngõ Thị					0,130
34	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Cứu - Ngõ Mỹ	Ngõ Cứu	Ngõ Mỹ					0,140
35	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Hùng - Ngõ Dũng	Ngõ hùng	Ngõ Dũng					0,180
36	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Lâm - Ngõ Thuận	Ngõ lâm	Ngõ Thuận					0,180
37	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Phụng - Ngõ Quý	Ngõ Phụng	Ngõ Quý					0,210

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
38	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Dũng - Ngõ Hiếu	Ngõ Dũng	Ngõ Hiếu					0,160
39	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ 4 Dũng - Ngõ 8 Giỏi	Ngõ 4 Dũng	Ngõ 8 Giỏi					0,120
40	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Đường trục - Ngõ Nghĩa	Đường trục	Ngõ Nghĩa					0,350
VIII	Xã Cát Trinh			3,690	-	3,690	-	-
1	Từ nhà bà Nguyễn Thị Nghĩa đến giáp kênh Văn Phong	Ngã 3 bê tông	Kênh Văn Phong			0,290		
2	Từ nhà bà Nguyễn Thị Hoa đến giáp đường đập Dừa	Nhà bà Nguyễn Thị Hoa	Đường đi đập Dừa			0,350		
3	Từ nhà ông Nguyễn Thành Lợi đi giáp Cát Tường	Nhà ông Nguyễn Thành Lợi	Cát Tường			0,630		
4	Tuyến từ nhà bà Võ Thị Thành đến nhà ông Nguyễn Đình Tuyển	Nhà bà Võ Thị Thành	Nhà ông Nguyễn Đình Tiến			0,250		
5	Tuyến từ nhà ông Nguyễn Đông đi giáp đường Đào Ký đi cầu Bờ Tán	Nhà ông Nguyễn Đông	Đường Đào Ký			0,930		
6	Từ nhà ông Mai đến giáp đường đi suối Chay	Nhà ông Mai	Đường đi suối Chay			0,400		
7	Từ nhà ông Nguyễn Thanh Hồng đến giáp nhà ông Trần Đình Phảnh	Nhà ông Nguyễn Thanh Hồng	Nhà ông Trần Đình Phảnh			0,300		
8	Đường BTXM tuyến từ đường Công Vụ đến nhà bà Hoa	Đường Công Vụ	Nhà bà Hoa			0,360		
9	Từ ngõ ông nhà ông Thái Trọng Đãi đến giáp đường ra xóm An Nhơn	Nhà ông Thái Trọng Đãi	Đường đi xóm An Nhơn			0,180		
IX	Xã Cát Hưng			2,615	-	0,300	-	2,315
1	BTXM - Nguyễn Lọt	BTXM	Nguyễn Lọt					0,050
2	BTXM - Hà Tài	BTXM	Hà Tài					0,060
3	BTXM - Cao Văn Tiến	BTXM	Cao Văn Tiến					0,060
4	BTXM - Hồ Văn Phúc	BTXM	Hồ Văn Phúc					0,060
5	BTXM - Nguyễn Văn Thắng	BTXM	Nguyễn Văn Thắng					0,050
6	BTXM - Đào Thảng	BTXM	Đào Thảng					0,050
7	BTXM - Nguyễn Văn Lưu	BTXM	Nguyễn Văn Lưu					0,080
8	BTXM - Nguyễn Văn Duy	BTXM	Nguyễn Văn Duy					0,050
9	BTXM - Hà Hương	BTXM	Hà Hương					0,040
10	BTXM - Nguyễn An Bình	BTXM	Nguyễn An Bình					0,300
11	BTXM - Phùng Út	BTXM	Phùng Út					0,050
12	QL19b - Phan Thành Hưng	QL19b	Phan Thành Hưng					0,250
13	BTXM - Nguyễn Thị Hạnh	BTXM	Nguyễn Thị Hạnh					0,075
14	Võ Gỏi - Gò Thành	Võ Gỏi	Gò Thành					0,200
15	Phan Đình Thanh - Phan Đình Khỏe	Phan Đình Thanh	Phan Đình Khỏe					0,090
16	BTXM - Nguyễn Xuân Hùng	BTXM	Nguyễn Xuân Hùng			0,300		
17	BTXM - Phan Thành Hưng	BTXM	Phan Thành Hưng					0,170
18	BTXM - Phan Thanh Xuân	BTXM	Phan Thanh Xuân					0,030

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
19	BTXM - Nguyễn Thanh Phong	BTXM	Nguyễn Thanh Phong					0,100
20	BTXM - Lê Thị Dư	BTXM	Lê Thị Dư					0,030
21	BTXM - Ngô Tài	BTXM	Ngô Tài					0,050
22	BTXM - Ngô Thảo	BTXM	Ngô Thảo					0,050
23	BTXM - 4 Lựu	BTXM	4 Lựu					0,100
24	BTXM - Chùa Long Sơn	BTXM	Chùa Long Sơn					0,100
25	BTXM - Ngô Nhựt	BTXM	Ngô Nhựt					0,050
26	Lê Văn Hải - 4 Thân	Lê Văn Hải	4 Thân					0,100
27	BTXM - Nguyễn Thị Bốn	BTXM	Nguyễn Thị Bốn					0,070
X	Cát Minh			7,143	-	4,576	2,135	0,432
1	Đường Bê tông từ Đồng Lập đến Đoàn Ký	Đồng Lập	Đoàn Ký			0,115		
2	ĐT 633 đến Võ Kế Dân đến Võ Thị Liên	ĐT633	Võ Thị Liên			0,125		
3	ĐT 633 đến Nguyễn Hữu Nghĩa	ĐT633	Nguyễn Hữu Nghĩa			0,056		
4	Đường ngõ Kiều đến Phan Thị Lâu	Ngõ Kiều	Phan Thị Lâu					0,042
5	Đường bê tông từ cầu Chán Ba đến đường bê tông ngõ Đình An	Cầu Chán Ba	Ngõ Đình An			0,800		
6	Đường bê tông từ bắc Đập Đức Phổ đến cửa mương đến Gò Chùa đến Trường Mỹ Cát	Bắc đập Đức Phổ	Trường Mỹ Cát			0,500		
7	Tuyến từ Cổng trước trường Gò Đổ đến giáp nhà Trần Văn Thuận	Trường Gò Đổ	Trần Văn Thuận			0,110		
8	ĐT639 đến giáp nhà Nguyễn Thị Thu Ba	ĐT639	Nguyễn Thị Thu Ba			0,405		
9	Đường bê tông từ nhà Nguyễn Cảnh Tuyên đến giáp Nguyễn Xuân Thành	Nguyễn Cảnh Tuyên	Nguyễn Xuân Thành			0,025		
10	Đường bê tông Gò chùa đến giáp nhà Nguyễn Siêng	Gò Chùa	Nguyễn Siêng			0,170		
11	Tuyến từ Ngõ Tấn Phong đến nhà Nguyễn Thị Nhạn	Ngõ Tấn Phong	Nguyễn Thị Nhạn				0,180	
12	Tuyến từ cổng Lũng Vài đến giáp trường Cấp 1 Mỹ Cát	Cổng Lũng Vài	Trường Cấp 1 Mỹ Cát			0,060		
13	ĐT639 đến giáp nhà Nguyễn Hải Lâm	ĐT639	Nguyễn Hải Lâm			0,200		
14	Bê tông Từ An Trị đến Bùi Phán	Bê tông An Trị	Bùi Phán			0,040		
15	Bê tông Gò Đình đến Trần Đình Long	Bê tông Gò Đình	Trần Đình Long				0,080	
16	Tuyến từ Giáp Văn Sách đến Phạm Tấn Hải	Giáp Văn Sách	Phạm Tấn Hải			0,150		
17	Bê tông đường Nam xã đến Nguyễn Thị Ánh	Đường Nam xã	Nguyễn Thị Ánh			0,070		
18	Bê tông Gò Đổ đến Nguyễn Thị Giao	Bê tông Đổ	Nguyễn Thị Giao			0,100		
19	Tuyến từ Đổ Quang Tuyền đến Hồ Phong	Đổ Quang Tuyền	Hồ Phong				0,100	
20	Tuyến từ Đổ Quang Tuyền đến Trịnh Minh Huân	Đổ Quang Tuyền	Trịnh Minh Huân			0,120		
21	Tuyến từ Võ Hoàng Hải đến Trịnh Phôi	Võ Hoàng Hải	Trịnh Phôi				0,120	
22	Tuyến từ Phạm Thị Thuyền đến Phan Văn Hải	Phạm Thị Thuyền	Phan Văn Hải				0,120	
23	Tuyến từ Trần Long đến Nguyễn Hải	Trần Long	Nguyễn Hải			0,220		
24	Tuyến từ Trần Công Thập đến Phạm Xuân Tôn	Trần Công Thập	Phạm Xuân Tôn			0,250		
25	Tuyến Từ Nguyễn Thanh Chương đến Nguyễn Chớ	Nguyễn Thanh Chương	Nguyễn Chớ				0,080	

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
26	Tuyến từ Phạm Thắng đến Thái Văn Cường	Phạm Thắng	Thái Văn Cường				0,170	
27	Tuyến từ Phạm Văn Toàn đến Nguyễn Hôn	Phạm Văn Toàn	Nguyễn Hôn			0,170		
28	Tuyến từ Trần Quang Hà đến Nguyễn Thị Ánh	Trần Quang Hà	Nguyễn Thị Ánh				0,150	
29	Tuyến từ Nguyễn Thái Bình đến Nguyễn Hữu Vương	Nguyễn Thái Bình	Nguyễn Hữu Vương					0,170
30	ĐT633 đến Giáp Thị Bé	ĐT633	Giáp Thị Bé			0,180		
31	Tuyến từ Nguyễn Thủy Hoàng đến Nguyễn Văn Cho	Nguyễn Thủy Hoàng	Nguyễn Văn Cho				0,120	
32	Tuyến từ Nguyễn Đức Trung đến Trương Hoài Phong	Nguyễn Đức Trung	Trương Hoài Phong			0,350		
33	ĐT633 đến Nguyễn Thơm	ĐT633	Nguyễn Thơm					0,060
34	ĐT633 đến Nguyễn Văn Dũng	ĐT633	Nguyễn Văn Dũng				0,150	
35	Tuyến từ Bê tông nhà 6 Tầng đến nhà ông Ngô Văn Phước	Nhà 6 Tầng	Ngô Văn Phước				0,250	
36	ĐT633 đến nhà ông Bùi Văn Kham	ĐT633	Bùi Văn Kham				0,110	
37	ĐT633 đến nhà ông Bùi Thanh Quang	ĐT633	Bùi Thanh Quang					0,060
38	ĐT 633 đến nhà ông Châu Sửu	ĐT633	Châu Sửu			0,150		
39	Bê tông Trung Bình đến Phan Thị Bé	Bê tông Trung Bình	Phan Thị Bé				0,025	
40	Bê tông Trung Nghi đến Nguyễn Ngọc Anh	Trung Nghi	Nguyễn Ngọc Anh					0,100
41	Bê tông Trung Tín đến Nguyễn Văn Thuyên	Bê tông Trung Tín	Nguyễn Văn Thuyên			0,030		
42	Bê tông Trung Tín đến Nguyễn Phúc	Bê tông Trung Tín	Nguyễn Phúc				0,040	
43	Phạm Văn Tấn đến Nguyễn Thân	Phạm Văn Tấn	Nguyễn Thân				0,060	
44	Nguyễn Văn Thắng đến Nguyễn Văn Thiệt	Nguyễn Văn Thắng	Nguyễn Văn Thiệt				0,040	
45	Nguyễn Trọng đến giáp ruộng Gò mía	Nguyễn Trọng	Ruộng Gò mía				0,030	
46	Tô Đình Trung đến Phan Văn Sơn	Tô Đình Trung	Phan Văn Sơn				0,200	
47	Từ Võ Văn Thái đến nhà thờ họ Võ	Võ Văn Thái	Nhà thờ họ Võ				0,030	
48	Bê Tông Trung Thiện đến Nguyễn Hồng Hưng	Bê tông Trung Thiện	Nguyễn Hồng Hưng				0,040	
49	Bê tông từ Đoàn Văn Xuyên đến Bãi rác	Đoàn Văn Xuyên	Bãi rác			0,180		
50	Bê tông An Chánh đến Nguyễn Văn Tiền	Bê tông An Chánh	Nguyễn Văn Tiền				0,040	
XI	Cát Hiệp			4,330	-	-	1,000	3,330
1	Đường BTXM tuyến từ nhà Đặng Thành Hưng đi nhà Nguyễn Văn Chiến	Nhà Đặng Thành Hưng	Nhà Nguyễn Văn Chiến					0,250
2	Đường BTXM tuyến từ nhà Nguyễn Văn Xiềng đi nhà Nguyễn Văn Hà	Nhà Nguyễn Văn Xiềng	Nhà Nguyễn Văn Hà					0,310
3	Đường BTXM tuyến từ nhà Châu Thị Thanh đi nhà Mai Thị Tranh	Nhà Châu Thị Thanh	Nhà Mai Thị Tranh					0,260
4	Đường BTXM tuyến từ nhà Ba Đắp đi nhà Sáu Cường	Nhà Ba Đắp	Nhà Sáu Cường					0,100
5	Đường BTXM tuyến từ nhà Trần Hải Vân đi nhà Mai Đình Chung	Nhà Trần Hải Vân	Nhà Mai Đình Chung					0,180
6	Đường BTXM tuyến từ nhà Trung đi Rộc Ruộng	Nhà Trung	Rộc Ruộng					0,400
7	Đường BTXM tuyến từ nhà Lê Dạn đi nhà Hà Thị Lâm	Nhà Lê Dạn	Nhà Hà Thị Lâm					0,100
8	Đường BTXM tuyến từ nhà Trần Thị Sửu đi nhà Trương Tấn	Nhà Trần Thị Sửu	Nhà Trương Tấn					0,230
9	Đường BTXM tuyến từ nhà Đặng Anh Tuấn đi nhà Phạm Minh Quý	Nhà Đặng Anh Tuấn	Nhà Phạm Minh Quý					0,200

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
10	Đường BTXM tuyến từ nhà Châu thị Kim Nam đi nhà Nguyễn Hữu Hiệp	Nhà Châu thị Kim Nam	Nhà Nguyễn Hữu Hiệp					0,120
11	Đường BTXM tuyến từ nhà Nguyễn Văn Hùng đi nhà Phan Thị Tám	Nhà Nguyễn Văn Hùng	Nhà Phan Thị Tám					0,150
12	Đường BTXM tuyến từ nhà Ảnh đi nhà Hay	Nhà Ảnh	Nhà Hay					0,250
13	Đường BTXM tuyến từ nhà Thái Văn Trang đi nhà Phạm Văn Cang	Nhà Thái Văn Trang	Nhà Phạm Văn Cang					0,780
14	Đường BTXM tuyến từ ĐT634 đi nhà Thái Đình Dộng	ĐT 634	Nhà Thái Đình Dộng				1,000	
XII	Cát Hải			3,840	-	1,190	1,700	0,950
1	Tuyến: Nhà Bác sĩ Long- Đường trước khu thể thao	Nhà Long	Khu TT				0,300	
2	Tuyến: Nhà Dưỡng - Đường đồng Gò vàng	Nhà Dưỡng	Gò vàng				0,600	
3	Tuyến: Đồng Cây ổi - Gò Dênh	Đồng cây ổi	Gò Dênh				0,350	
4	Tuyến: Nhà Mai Ngô Trinh - Đường sau nhà Long	Nhà Trinh	Nhà Long				0,450	
5	Tuyến: Đập điều tiết - Ruộng dinh	Đập	Ruộng dinh			0,700		
6	Tuyến: Nối đường nhà Bon - Đường nhà Rua	Nhà Bon	Nhà Rua					0,300
7	Tuyến: Nhà Trương Văn Cảnh - Hồ tôm	Nhà Cảnh	Hồ tôm					0,200
8	Tuyến: Nối đường nhà 2 hóp - Biển	Lăng	Biển			0,100		
9	Tuyến: Trước nhà Thanh Loan - ĐT639	Nhà Thanh	DT639			0,070		
10	Tuyến: Nhà Đỗ Thành Tiến - Núi	Nhà Tiến	Núi			0,090		
11	Tuyến: Nhà Tề - Nhà Duy	Nhà Tề	Nhà Duy					0,100
12	Tuyến: Nhà Thọ đen - Nhà 2 Tài - Nhà Toàn	Nhà Thọ	Nhà Tài, Toàn					0,350
13	Tuyến: Cống sau trạm kiểm lâm - ĐT639	Cống	DT639			0,080		
14	Tuyến: Nối đường ĐS5b - Biển	ĐS5b	Biển			0,150		
XIII	Cát Hanh			15,138	-	3,910	4,523	6,705
1	Tuyến: Tỉnh lộ 634 giáp nhà Lưu	ĐT634	Nhà Lưu			1,000		
2	Tuyến Nhà Tâm- Nhà Bình	Nhà Tâm	Nhà Bình			1,250		
3	Tuyến QL1A - Công ty Phước Thịnh	QL1A	Phước Thịnh			0,250		
4	Tuyến ĐT 633 đến nhà Thắng	ĐT 633	Nhà Thắng			0,130		
5	Đường liên thôn Mỹ Hóa- Hòa Hội	Đường BTXM	Cầu Bản			0,430		
6	Đường liên thôn Tân Xuân đi Vinh Kiên	Đường BTXM Tân Xuân	Đường BTXM Vinh Kiên			0,430		
7	Tuyến từ QL1A đi trường Mẫu giáo Tân Xuân	QL1A	Đường BTXM			0,420		
8	Tuyến Trục liên xóm	Đường BTXM	Nhà Tư				0,250	
9	Đường liên xóm	Nhà Mỹ	Nhà Hồng				0,533	
10	Đường nội đồng	Cầu Bản	Đường Vĩnh Long				0,200	
11	Cụm dân cư	Đồng đá đen	BT thôn				0,200	
12	Đường nội đồng	Mương BT	Nhà Tâm				0,130	
13	Tuyến DT 633 đi nhà Thanh	DT 633	Nhà Thanh				0,130	

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
14	Tuyến Nhà Anh - Nghĩa địa	Nhà Anh	Nghĩa địa				0,400	
15	Tuyến từ nhà Điệp đến nhà Thor	Nhà Điệp	Nhà Thor				0,400	
16	Tuyến Bê tông - Trường cấp 3	Đường BT	Nhà Trung				0,220	
17	Tuyến Giao thông Nội đồng	Bờ Vùng	Mương tiêu				0,590	
18	Tuyến Nhà Xuân- Nhà Sơn	Nhà Xuân	Nhà Sơn				0,135	
19	Tuyến Nhà Danh nhà Tâm	Nhà Danh	Nhà Tâm				0,150	
20	Tuyến Nhà Kiếm- nhà Sang	Nhà Kiếm	Nhà Sang				0,060	
21	Tuyến Nhà Dương- Nhà Dũng	Nhà Dương	nhà Dũng				0,040	
22	Tuyến Nhà Trung- Nhà Tiến	Nhà Trung	Nhà Tiến				0,040	
23	Tuyến BTXM đi nhà Động	Đường BT	Nhà Động				0,200	
24	Tuyến Nhà Phong- Nhà Thu	Nhà Phong	Nhà Thu				0,200	
25	Tuyến Nhà Thành giáp thôn Vĩnh Long	Nhà Thành	Vĩnh Long				0,095	
26	Tuyến DT 633- Nhà Toàn	DT633	Nhà Toàn				0,300	
27	Tuyến Nhà Anh- Nhà Liền	Nhà Anh	Nhà Liền				0,250	
28	Tuyến Nhà Anh- Nhà Liền	Nhà Anh	Nhà Liền					0,250
29	Mương S2 - Soi Vinh lạc	Mương S2	Vinh Lạc					0,200
30	Tuyến Nhà Thuận- nhà Phương	Nhà Thuận	Nhà Phương					0,150
31	Tuyến Kênh S2- nhà Hiền	Mương S2	Nhà Hiền					0,150
32	Tuyến Kênh S2- nhà Thu	Mương S2	Nhà Thu					0,060
33	Tuyến Kênh S2- nhà Trính	Mương S2	Nhà Trính					0,060
34	Tuyến Kênh S2- nhà Thủy	Mương S2	Nhà Thủy					0,050
35	Tuyến Kênh S2- nhà Chiến	Mương S2	Nhà Chiến					0,050
36	Tuyến Nhà Bình- Nhà Lục	Nhà Bình	Nhà Lục					0,080
37	Tuyến Đường BT- Trang trại xoài	Đường BT	Trại Xoài					0,270
38	Tuyến DT 6314-giáp đường BTXM	DT634	BTXM					0,180
39	Tuyến nhà Trung- Nhà Tài	Nhà Trung	Nhà Tài					0,340
40	Tuyến Nhà Tùng-Nhà Sanh	Nhà Tùng	Nhà Sanh					0,050
41	Tuyến DT 634 giáp nhà Chính	DT634	Nhà Chính					0,240
42	Tuyến Đường BT- Nhà Toàn	Đường BT	Nhà Toàn					0,150
43	Tuyến Đường BT- Nhà Triệu	Đường BT	Nhà Triệu					0,080
44	Tuyến Đường BT - Nhà Thảo	Đường BT	Nhà Thảo					0,040
45	Tuyến Đường BT- Nghĩa trang	Đường BT	Nghĩa Trang					0,300
46	Tuyến Đường BT- Nhà Tâm	Đường BT	Nhà Tâm					0,300
47	Tuyến Nhà Thạnh- Nhà Miên	Nhà Thạnh	Nhà Miên					0,250
48	Tuyến Nhà Xuân- Nhà Tú	Nhà Xuân	Nhà Tú					0,250
49	Tuyến Nhà Văn- Nhà Nguyễn	Nhà Văn	Nhà Nguyễn					0,350

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
50	Tuyến DT 634- Nhà Huy	DT 634	Nhà Huy					0,350
51	Tuyến QL1A- Nhà Long	QL1A	Nhà Long					0,250
52	Tuyến giao thông xóm Khánh Hòa	Đường BT	Nhà Yên					0,150
53	Tuyến giao thông xóm Giêng Tháp	Mương cấp I	Nhà Hùng					0,090
54	Tuyến Đường BT- Nhà Khanh	Đường BT	Nhà Khanh					0,270
55	Tuyến Nhà Long- Nhà Khanh	Nhà Long	Nhà Khanh					0,200
56	Tuyến Mương cấp I- Nhà Tào	Mương cấp I	Nhà Tào					0,060
57	Mương cấp I- Nhà Phúc	Mương cấp I	Nhà Phúc					0,060
58	Tuyến Nhà Tồn - Nhà Phụng	Nhà Tồn	Nhà Phụng					0,150
59	Tuyến Gò Lao- Nhà Kiếm	Gò Lao	Nhà Kiếm					0,060
60	Tuyến Đường BT- Nhà Thạch	Đường BT	Nhà Thạch					0,030
61	Tuyến Nhà Trà- Nhà Giáp	Nhà Trà	Nhà Giáp					0,450
62	Tuyến Nhà Dư- Nhà Phương	Nhà Dư	Nhà Phương					0,040
63	Tuyến Nhà mực- Nhà Tế	Nhà Mực	Nhà Tế					0,200
64	Tuyến Đường BT- Nhà Thảo	Đường BT	Nhà Thảo					0,045
65	Tuyến Mương Cấp I- Nhà Thể	Mương cấp I	Nhà Thể					0,100
66	Tuyến BTXM xóm Hanh Quyền	Đường BT	Nhà Chân					0,350
XIV	Cát Nhơn			5,021	0,670	1,320	3,031	-
1	Từ cây chim Chùa đến bờ Dốc	Cây chim Chùa	Bờ dốc				0,500	
2	Từ cuối đường BTXM đến nghĩa địa Hòn Dung	Từ đường BT	Giáp nghĩa địa Hòn Dung				0,500	
3	Từ Nhà Hồ Trọng Khuyên đến giáp QL 19B	Ngõ nhà Hồ Trọng Khuyên	Giáp QL 19B				0,165	
4	Từ ngã 3 thôn Đại Hào đến giáp cổng làng văn hóa Trung Bình	Ngã 3 Đại Hào	Giáp cổng làng văn hóa Trung Bình			1,320		
5	Từ nhà 9 Khuê đến dốc nhà Đại	Ngõ nhà 9 Khuê	Dốc nhà Đại				0,330	
6	Từ cuối gò đến nhà khá thôn Trung Bình	Từ cuối gò	Giáp nhà Khá				0,430	
7	Từ ngõ Chi đến ngõ Tạo	Ngõ Chi	Giáp ngõ Tạo				0,360	
8	Từ ngõ Bà Lại đến ngõ ông Bình	Ngõ Bà Lại	Ngõ Ông Bình				0,096	
9	Từ nhà bà Phạm Thị Cúc đến giáp đường BT khu xử lý chất thải rắn	Ngõ bà Phạm Thị Cúc	Giáp đường BT				0,650	
10	Từ đường trục khu kinh tế đến giáp xã Nhơn Phong	Đường trục khu kinh tế	Giáp xã Nhơn Phong		0,670			
XV	Cát Tường			6,460	-	-	6,460	-
1	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: từ Ngõ Bắc đến Ngõ Quý	Ngõ Bắc	Ngõ Quý				0,500	
2	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Ngõ Hải đến Ngõ Sĩ	Ngõ Hải	Ngõ Sĩ				0,250	
3	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Ngõ Khanh đến Ngõ Lễ	Ngõ Khanh	Ngõ Lễ				0,220	
4	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Ngõ Thiệp đến Ngõ Thương	Ngõ Thiệp	Ngõ Thương				0,200	

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
5	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Ngõ Thọ đến Ngõ Tra	Ngõ Thọ	Ngõ Tra				0,250	
6	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Chùa Long Quang đến Ngõ Bụt	Chùa Long Quang	Ngõ Bụt				0,300	
7	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Lỗ Dừa đến Chánh Hòa	Lỗ Dừa	Chánh Hòa				0,400	
8	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Ngõ Thùng đến Ngõ Na	Ngõ Thùng	Ngõ Na				0,300	
9	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Ngõ Anh đến Ngõ Thu	Ngõ Anh	Ngõ Thung				0,200	
10	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Ngõ Miên đến Ngõ Tiết	Ngõ Miên	Ngõ Tiết				0,300	
11	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ ĐT 635 đến Ngõ Trò	ĐT 635	Ngõ Trò				0,050	
12	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Ngõ Dư đến Ngõ Đă	Ngõ Dư	Ngõ Đă				0,250	
13	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Gò Tám đến Ngõ Bôn	Gò Tám	Ngõ Bôn				0,170	
14	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Ngõ Lộc đến Nghĩa Địa	Ngõ Lộc	Nghĩa địa				0,500	
15	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Ngõ Phong đến Ngõ Tuấn	Ngõ Phong	Ngõ Tuấn				0,200	
16	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Ao Hộ Đồng đến Ngõ Lê	Ao Hộ Đồng	Ngõ Lê				0,250	
17	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Ngõ Thọ đến Ngõ Hiến	Ngõ Thọ	Ngõ Hiến				0,150	
18	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Ngõ Lý đến Ngõ Khách	Ngõ Lý	Ngõ Khách				0,120	
19	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Ngõ Cường đến Ngõ Ánh	Ngõ Cường	Ngõ Ánh				0,200	
20	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Ngõ Tường đến Ngõ Chiến	Ngõ Tường	Ngõ Chiến				0,150	
21	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Ngõ Phúc đến Ngõ Ba	Ngõ Phúc	Ngõ Ba				0,150	
22	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Ngõ Lang đến Ngõ Chi	Ngõ Lang	Ngõ Chi				0,250	
23	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Ngõ Đạo đến Ngõ Tịnh	Ngõ Đạo	Ngõ Tịnh				0,300	
24	Đường BTXM GTNN xã Cát Tường, Tuyến: Từ Ngõ Chương đến Ngõ Sáu	Ngõ Chương	Ngõ Sáu				0,800	
XVI	Cát Khánh			5,860	-	4,480	0,850	0,530
1	Đường liên thôn (Phú Long)	Trần Thị Chua	Nguyễn Xo			0,250		
2	Đường liên thôn (Phú Long)	Lê Văn Sơn	Thái Thuận			0,100		
3	Đường liên thôn (Phú Long)	Nguyễn Cảnh Hưng	Lê Văn Dũng			0,100		
4	Đường liên thôn (Phú Long)	Nguyễn Công Diệp	Nguyễn Sơn			0,250		
5	Đường liên thôn (Phú Long)	Nguyễn Công Diệp	Đình Phú Long			0,250		
6	Đường liên thôn (Phú Long)	Ngã ba rừng cấm	Lê Lai			1,000		
7	Đường liên thôn (Thắng Kiên)	Trà Ngọc Bích	Đặng Văn Tường				0,250	
8	Đường liên thôn (Thắng Kiên)	Nguyễn Ngăn	Nguyễn Công Hoàng				0,100	
9	Đường liên thôn (An Nhuệ)	Cầu nhà Thiện	Đà Tía				0,210	
10	Đường liên thôn (An Nhuệ)	Nhà ông Tiên	Lê Thị Phán				0,220	
11	Đường liên thôn (An Nhuệ)	Nhà ông Thái	Nhà ông Hùng			0,070		
12	Đường liên thôn (An Nhuệ)	Nguyễn Ngăn	Nguyễn Tấn Quân					0,120
13	Đường liên thôn (Ngãi An)	Nguyễn Thị Được	Lê Đình Tôn				0,070	

TT	Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại đường			
					A	B	C	D
14	Đường liên thôn (Ngãi An)	BT- Ngãi An- Thắng Kiên	Nguyễn Duy Linh					0,100
15	Đường liên thôn (An Quang Đông)	Võ Văn Hiệp	Huỳnh Thị Đức			0,800		
16	Đường liên thôn (An Quang Tây)	Nguyễn Văn Hải	Cuối đưng					0,150
17	Đường liên thôn (Chánh Lợi)	Miếu Bà	Nhà yển ông Ký					0,160
18	Đường liên thôn (Chánh Lợi)	Huỳnh Dân	Phan Dầy			0,300		
19	Đường liên thôn (Chánh Lợi)	Lê Vinh	Nhà ông Bùng			0,500		
20	Đường liên thôn (Chánh Lợi)	Phan Văn Sau	Phạm Đình Tuấn			0,060		
21	Đường liên thôn (Chánh Lợi)	Lê Đức Ảnh	Lê Đức Dũng			0,200		
22	Đường liên thôn (Chánh Lợi)	Ngõ Vinh	Đến biển			0,600		
Tổng cộng :				84,069	0,670	26,496	31,906	24,997

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ	84,069 Km
- Đường GTNT loại A:	0,670 Km
- Đường GTNT loại B:	26,496 Km
- Đường GTNT loại C:	31,906 Km
- Đường GTNT loại D:	24,997 Km
2. Tổng khối lượng XM được hỗ trợ:	10.411,11 Tấn
- Đường GTNT loại A (hỗ trợ 220T/Km):	147,40 Tấn
- Đường GTNT loại B (hỗ trợ 170T/Km):	4.504,32 Tấn
- Đường GTNT loại C (hỗ trợ 110T/Km):	3.509,66 Tấn
- Đường GTNT loại D (hỗ trợ 90T/Km):	2.249,73 Tấn